

UNIT 2: LIFE IN THE COUNTRYSIDE

TỪ VỰNG 1:

Học từ vựng Quizlet: 

STT	TỪ VỰNG	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	herd the buffaloes / the cattle	(v) chăn, dắt trâu / gia súc	<i>hót đờ bấp phơ lâu / khát tồ</i>
2.	collect water	(v) tát nước	<i>khờ lét quố tơ</i>
3.	load the rice	(v) chất lúa lên xe	<i>lâu đờ rai x</i>
4.	ride a horse, a camel	(v) cưỡi ngựa, lạc đà	<i>rai ờ hót x, ờ khá mờ</i>
5.	put up a tent, a pole	(v) dựng lều, cột	<i>put ắp ờ ten, ờ pâu</i>
6.	collect water, hay	(v) lấy nước, cỏ khô	<i>khờ lét quố tơ, hây</i>
7.	pick wild flowers	(v) hái hoa dại	<i>pít quai ph láo ơ x</i>

8.	harvest time	(n) thời gian thu hoạch	<i>há vệt x thai</i>
9.	paddy field	(n) cánh đồng	<i>pát đi phiu</i>
10.	buffalo-drawn cart	(n) xe trâu kéo	<i>bấp phơ lâu đron khát</i>

😊 BÀI TẬP (học nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 1/p17-SGK: 

BÀI TẬP 2/p17-SGK: 

TỪ VỰNG 2:

Học từ vựng Quizlet: 

STT	TÍNH TỪ	NGHĨA	CÁCH ĐỌC
1.	friendly	thân thiện	<i>phr én li</i>
2.	brave	can đảm	<i>brây</i>
3.	boring	buồn chán	<i>bó rin</i>
4.	nomadic	có tính du mục	<i>nầu ma đit</i>
5.	colourful	đầy màu sắc	<i>khá lơ phô</i>
6.	slow	chậm	<i>xlâu</i>
7.	hard	khó khăn	<i>ha</i>
8.	inconvenient	bất tiện	<i>in khần ví nhơn</i>
9.	peaceful	yên bình	<i>pít x phồ</i>
10.	vast	bát ngát	<i>vát x</i>

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 1/p18-SGK:  BÀI TẬP 2/p18-SGK:  BÀI TẬP 3/p18-SGK: 

BÀI TẬP 4/p18-SGK: 

NGỮ ÂM: Phân biệt âm /bl/ và /cl/

VD: blame /bleim/ : khiển trách, đổ lỗi (*blây m*)
click /klik/ : nhấp chuột, bấm lách cách (*clích*)

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 5/p19-SGK:  BÀI TẬP 6/p19-SGK:  BÀI TẬP 7/p19-SGK: 

NGỮ PHÁP: Comparative forms of adjective (so sánh) – Xem sách ngữ pháp

😊 BÀI TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

BÀI TẬP 1/p19-SGK:  BÀI TẬP 2/p20-SGK:  BÀI TẬP 3/p20-SGK: 

BÀI TẬP 4/p20-SGK:  BÀI TẬP 5/p20-SGK: 

😊 BÀI LUYỆN TẬP (hs nhớ ghi dấu . cuối câu) 😊

***BÀI TẬP Skills 1: BT 1+2+3/p22-SGK : **

***BÀI TẬP Skills 2: BT 1+2+3/p23-SGK : **

***BÀI TẬP Looking back: BT 1+2+3+4/p24-SGK : **

***SÁCH BÀI TẬP: **